

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 7 - 2022.

V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,  
nuôi con chung, chia tài sản  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Số nhà 37, ngõ 36, phố NQH, tổ 8, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Số nhà 75, ngõ 119, đường NVX, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc T - Luật sư Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc Chi nhánh tại Hà Nam; địa chỉ: Số 30, ngõ 144, đường Lê Công Thanh, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Đắc K, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 37, ngõ 36, phố NQH, tổ 8, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn YL, xã HT, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1929; địa chỉ: Tiểu khu BN, thị trấn BM, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

- Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1944; địa chỉ: Tiểu khu BN, thị trấn BM, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 41, ngõ 182, đường LCT, tổ 5, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 2, đường THĐ, tổ dân phố BT, thị trấn BM, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

\* **Người làm chứng:** Anh Ngô Thượng T, sinh năm 1974; trú tại: Xóm 3, LC, xã TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt chị H, ông T, anh K, anh T, bà K, chị O, chị Q, anh T; ông C vắng mặt khi tuyên án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết, xét xử thì nội dung vụ án như sau:

### 1. Về hôn nhân:

\* *Quan điểm của chị H:* Chị và anh Nguyễn Đắc K kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn BM, huyện BL, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 05 năm. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình chồng một thời gian sau đó đến năm 2013 vợ chồng mua đất xây nhà và ra ở riêng tại căn nhà hiện nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh K hay ghen tuông vô cớ rồi cấm đoán chị giao lưu với bạn bè, hay chửi bới đánh đập chị, từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau, anh K vay tiền bên ngoài không trả khiến xã hội đến đến nhà gây sự ảnh hưởng đến gia đình. Gia đình hai bên và anh em bạn bè, tổ dân phố, chính quyền địa phương đã phân tích H giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên đến tháng 5/2021 chị đã thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Nguyễn Đắc K.

\* *Quan điểm của anh K:* Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị H khai là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh thừa nhận vợ chồng hay cãi chửi nhau và nhiều lần có đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

2. Về con chung: Chị H và anh K thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Duy L (con trai), sinh ngày 16/7/2006 và Nguyễn Duy A (con trai), sinh ngày 31/8/2010. Hiện nay cháu A đang ở với chị H, còn cháu L đang ở với anh K. Nếu ly hôn, chị H xin được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.500.000đ/01 cháu; anh K cũng xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/02 cháu. Tại phiên tòa anh K đề nghị được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Con nuôi, con riêng: Chị H và anh K thống nhất không có. Hiện chị H không có thai nghén gì.

\* Quan điểm của cháu Nguyễn Duy A: Tại bản tự khai ngày 30/8/2021 và ngày 10/11/2021, cháu đều có nguyện vọng xin được ở với chị H; tại bản tự khai ngày 09/11/2021, cháu có nguyện vọng ở với ai cũng được khi bố mẹ ly hôn.

\* Quan điểm của cháu Nguyễn Duy L: Tại bản tự khai ngày 09/11/2021, cháu có nguyện vọng xin được ở với anh K khi bố mẹ ly hôn.

\* Quan điểm của UBND phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của chị H và anh K theo quy định của pháp luật.

### 3. Về tài sản:

\* *Quan điểm của chị H:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị có những tài sản chung sau:

- Thừa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> tại khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thành phố Phủ Lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2010 mang tên ông Nguyễn Đắc K và các tài sản trên thửa đất này.

+ Nguồn tiền mua thửa đất do hai vợ chồng tích góp được, mua năm 2010 với giá hơn 200.000.000đ, nay chị xác định giá chuyển nhượng thực tế là 627.500.000đ (sáu trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Thời điểm năm 2010 lương của chị khoảng 3.000.000đ, còn lương anh K chị không nhớ. Ngoài ra chị còn làm thêm đánh máy, cắt chỉ khâu, đính cúc.

+ Năm 2013 vợ chồng chị xây căn nhà 2,5 tầng trên thửa đất này. Nguồn tiền xây do vợ chồng tích góp và vay mượn của gia đình hai bên nhưng đến nay đều đã trả hết nợ, xây nhà hết khoảng hơn 500 triệu đồng.

- Thừa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2017 mang tên ông Nguyễn Đắc K và bà Vũ Thị H.

Thửa đất này vợ chồng chị mua năm 2017 với giá thực tế là 250.000.000đ, nay chị xác định giá chuyển nhượng thực tế là 586.000.000đ (năm trăm tám mươi sáu triệu đồng), hai vợ chồng trả tiền, hai vợ chồng cùng viết giấy biên nhận. Nguồn tiền mua thửa đất này do vợ chồng tích góp mà có, do lương của hai vợ chồng và kinh doanh thêm. Thời điểm đó lương của chị gần 5.000.000đ/tháng, chị còn làm thêm kế toán cho một số công ty, vay của chị O, chị Q và lợi nhuận thu được từ Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Duy An Lộc, tuy nhiên chị xác định Công ty Duy An Lộc người đại diện, quản lý điều hành là chị Nguyễn Thị L (chị gái anh K) và vốn góp hoàn toàn của chị L, vợ chồng chị không đóng góp gì.

- Thừa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mễ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/2020 mang tên ông Nguyễn Đắc K.

Thửa đất này mua năm 2020 với giá 100.000.000đ, nay chị xác định lại giá chuyển nhượng thực tế là 2.000.000.000đ (hai tỉ đồng). Nguồn tiền do tiết kiệm mà có và do chị làm thêm môi giới bất động sản và làm thêm kế toán cho một số công ty. Thửa đất này hai vợ chồng cùng mua, chị trả tiền còn anh K viết giấy.

Ngoài ra vợ chồng chị không còn tài sản chung gì khác.

Ly hôn chị đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung, chị xin sử dụng thửa đất số 148 và căn nhà trên đất, hai thửa đất còn lại giao cho anh K. Tại phiên tòa chị lại xin sử dụng thửa đất số 456, giao anh K sử dụng tài sản còn lại. Bên nào sử dụng nhiều hơn thì thanh toán chênh lệch tài sản cho bên kia.

*\* Quan điểm của anh K:*

- Quá trình giải quyết vụ án, anh K công nhận vợ chồng chỉ có tài sản chung là: Thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2017 mang tên ông Nguyễn Đắc K và bà Vũ Thị H. Thửa đất này vợ chồng mua năm 2017 với giá 589.000.000đ (năm trăm tám mươi chín triệu đồng). Nguồn tiền mua thửa đất là do vợ chồng anh có vay của chị Nguyễn Thị Q 250.000.000đ quy ra 07 cây vàng SJC và số tiền còn lại do tiền lương của anh và anh làm thêm tư vấn mà có. Anh trực tiếp giao dịch và trả tiền đất và đều có chị H đi cùng. Thời điểm mua thửa đất này lương của anh là hơn 5.000.000đ/tháng. Hiện nay vợ chồng anh chưa trả được chị Q số tiền này. Nay anh đề nghị chia đôi thửa đất này đồng thời cả hai vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị Q 07 cây vàng SJC tương đương 250.000.000đ thời điểm đó.

- Tài sản riêng của anh gồm có:

+ Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> tại khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, phường Liêm Chính thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thành phố Phủ Lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2010 mang tên ông Nguyễn Đắc K và các tài sản trên thửa đất, nguồn gốc là do anh được tặng cho riêng. Cụ thể:

Thửa đất này anh mua riêng với giá 620.000.000đ. Nguồn tiền mua thửa đất này là do ngày 28/5/2010 bố đẻ anh là ông C có tiền tiết kiệm cho riêng anh 620.000.000đ để mua riêng, anh là người trực tiếp ký hợp đồng và đặt cọc nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng riêng tên anh.

Trên thửa đất này có ngôi nhà 2,5 tầng do anh xây năm 2013 hết khoảng 600.000.000đ. Nguồn tiền xây nhà do ngày 19/3/2013 bố anh có cho riêng anh tiền mặt 343.000.000đ và 02 cây vàng 9999 để anh xây căn nhà này; ngày 27/3/2013 cô anh là bà K cho riêng anh tiền mặt 200.000.000đ để xây căn nhà này.

Thửa đất và căn nhà trên đất này anh được cho riêng trong thời kỳ hôn nhân thông qua giao dịch bằng tài sản riêng, anh không đăng ký sát nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng nên đây không phải là tài sản chung của vợ chồng. Lý do vợ chồng anh không có tiền đóng góp cùng bố anh mua thửa đất này và không đóng góp tiền xây nhà cùng bố và cô anh là vì: Năm 2013 anh làm ở Sở nông nghiệp tỉnh Hà Nam, lương thấp chỉ là 3.400.000đ/tháng, kinh tế khó khăn nên không có tiền tích lũy.

+ Thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mễ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/2020

mang tên ông Nguyễn Đắc K. Thửa đất này anh mua riêng với giá 2.000.000.000đ. Nguồn tiền mua thửa đất này do cá nhân anh tự đi vay của những người sau để mua:

Ngày 18/01/2020 vay của anh Bùi Mạnh T 1.495.000.000đ.

Ngày 18/01/2020 vay của chị Nguyễn Thị O 300.000.000đ tiền mặt và 10 cây vàng (trong đó có 03 cây vàng 9999 và 07 cây vàng SJC).

Thửa đất này anh mua tháng 02/2020, thời điểm đó lương của anh là 6.035.000đ.

Nguồn gốc thửa đất này do anh đầu tư kinh doanh riêng tự ký hợp đồng tự giao tiền, anh tự thực hiện quyền nghĩa vụ dân sự riêng của bản thân anh, anh không đăng nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh K xác định lại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> tại khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, phường Liêm Chính thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và tài sản trên đất là tài sản riêng của anh do anh được bố để anh và cô ruột cho riêng anh. Còn thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mỹ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam là tài sản chung của vợ chồng vì anh vay tiền để mua thửa đất này trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên anh đề nghị được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung của vợ chồng.

\* Quan điểm của ông Nguyễn Duy C: Ông là bố đẻ của anh K, là bố chồng chị H. Ngày 28/5/2010, ông cho riêng anh K số tiền 620.000.000đ để mua thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, tiền mặt ông giao trực tiếp cho anh K. Ngày 19/3/2013, ông lại cho riêng anh K 343.000.000đ và 02 cây vàng 9999 để anh K xây nhà trên đất đã mua. Nay ông xác định: ông cho riêng anh K số tiền mua đất trên và tiền xây nhà ba tầng nên ông đề nghị Tòa án không đưa vào tài sản chung để chia trong vụ án này, ông vẫn đồng ý cho riêng anh K toàn quyền sử dụng tài sản trên.

\* Quan điểm của bà Nguyễn Thị Kim K: Bà là cô ruột anh K, chị H là cháu dâu của bà.

Khoảng năm 2013 bà có cho riêng anh K số tiền mặt 200.000.000đ để anh K xây nhà trên thửa đất mà ông Nguyễn Duy C là bố anh K đã mua cho anh K từ năm 2010. Số tiền này bà đã giao trực tiếp cho riêng anh K. Nay bà xác định số tiền 200.000.000đ bà cho riêng anh K để anh K xây căn nhà mà hiện nay anh K đang ở nên đề nghị Tòa án không đưa căn nhà này vào tài sản chung của vợ chồng để chia, còn số tiền này bà đã cho riêng anh K nên bà không có yêu cầu gì.

\* Về tài sản đồ dùng gia dụng trong gia đình: Chị H và anh K cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ngày 08/12/2021, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đã tiến hành định giá tài sản đang có tranh chấp giữa chị H và anh K, kết quả như sau:

- Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> tại khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, phường Liêm Chính thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thành phố Phủ Lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2010 mang tên ông Nguyễn Đắc K, có giá trị: 1.280.000.000đ.

Tài sản trên thửa đất này gồm: 01 căn nhà mái bằng ba tầng bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ, cửa gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, công trình phụ khép kín, có giá trị: 679.216.000đ.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.959.216.000đ.

- Thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mễ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/2020 mang tên ông Nguyễn Đắc K, có giá trị: 1.890.000.000đ.

- Thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2017 mang tên ông Nguyễn Đắc K và bà Vũ Thị H, có giá trị: 1.240.000.000đ.

#### 4. Về công nợ:

\* *Quan điểm của anh K:* Ngày 16/3/2017 vợ chồng anh có vay của chị gái anh là Nguyễn Thị Q số tiền mặt 250.000.000đ (tương đương 07 cây vàng SJC thời điểm đó), khi vay không tính lãi, thỏa thuận khi trả là 07 cây vàng SJC, có giấy tờ vay do mình anh ký, mục đích vợ chồng anh vay để mua thửa đất số 383. Hiện nay vợ chồng anh chưa trả được chị Q số tiền này. Nay anh yêu cầu hai vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ chị Q 07 cây vàng SJC. Ngoài ra, để có tiền mua thửa đất số 456 ở Mễ Thượng, Liêm Chính thì anh đã phải đi vay riêng của những người sau: Ngày 18/01/2020 vay của anh Bùi Mạnh T 1.495.000.000đ, khi vay thỏa thuận lãi theo lãi suất Ngân hàng; ngày 18/01/2020 vay của chị Nguyễn Thị O 300.000.000đ tiền mặt và 10 cây vàng (trong đó có 03 cây vàng 9999 và 07 cây vàng SJC). Hiện hai khoản nợ này anh vẫn chưa trả được. Nếu ly hôn anh sẽ tự chịu trách nhiệm trả số nợ riêng này.

Tại phiên tòa, anh K xác định tất cả các khoản vay trên đều để mua thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mễ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam để kinh doanh thêm. Nay anh xác định hai thửa đất trên là tài sản chung nên các khoản nợ cũng là nợ chung của vợ chồng. Anh đề nghị cả hai vợ chồng đều phải có trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

\* *Quan điểm của chị H:* Hiện nay vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ gì vợ chồng nên chị không nhất trí quan điểm của anh K. Chị xác định trước đây có vay tiền của chị O, chị Q nhưng đến nay đã trả hết.

\* *Quan điểm của chị Nguyễn Thị Q:* Chị là chị gái anh K. Ngày 16/3/2017, chị có cho hai vợ chồng H, K vay số tiền mặt 250.000.000đ, nguồn gốc số tiền chị cho vay này là do chị bán 07 cây vàng SJC và bù thêm một số tiền nữa. Khi vay hai bên thỏa thuận không tính lãi, hai bên có lập giấy tờ nhưng chỉ có anh K ký, số tiền cho vay chị giao cho cả hai vợ chồng tại nhà chị, mục đích vợ chồng H, K vay là để mua thửa đất số 383 tờ bản đồ PL3 ở Thượng Tổ 1, Thanh Châu kinh doanh tăng thu nhập. Khi vay hai bên thỏa thuận khi nào vợ chồng có thì trả bằng 07 cây vàng SJC. Đến nay vợ chồng H, K vẫn chưa trả chị số vàng trên. Nay chị xác định số

vàng chị cho vợ chồng H, K vay chung nên chị yêu cầu hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả chị 07 cây vàng SJC theo giá tại thời điểm trả, tiền lãi chị không yêu cầu.

*\* Quan điểm của chị Nguyễn Thị O:* Chị là chị gái anh K. Ngày 18/01/2020 chị có cho anh K vay tiền mặt là 300.000.000đ và 10 cây vàng (trong đó có 03 cây vàng 9999 và 07 cây vàng SJC), mục đích anh K vay là để đầu tư mua thửa đất số 456 tờ bản đồ 19 ở tổ dân phố Mỹ Thượng, Liêm Chính. Khi vay có lập giấy tờ có chữ ký của anh K, vì là chị em nên không tính lãi, hai bên thỏa thuận khi nào anh K có thì trả. Đến nay anh K vẫn chưa trả chị số tiền và vàng trên. Chị xác định số tiền và vàng chị cho anh K vay riêng mục đích để đầu tư mua thửa đất số 456 tờ bản đồ số 19 nên thửa đất này là tài sản riêng của anh K, anh K không đăng ký nhập vào khối tài sản chung của hai vợ chồng. Còn số tiền và vàng này anh K vay chị thì anh K phải có trách nhiệm trả chị, chị H không liên quan gì đến khoản nợ này. Tại phiên tòa, chị O xác định chị cho anh K vay tiền và vàng để đầu tư mua thửa đất số 456 tờ bản đồ số 19, nay anh K xác định thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng nên khoản nợ của chị, chị yêu cầu cả hai vợ chồng chị H, anh K đều phải có trách nhiệm trả chị số tiền và vàng trên.

#### 5. Về yêu cầu độc lập của anh Bùi Mạnh T:

*\* Quan điểm của anh T:* Anh với anh K, chị H không có quan hệ họ hàng gì. Anh với anh K chỉ là anh em chơi với nhau và có quan hệ làm ăn với nhau.

Ngày 18/01/2020, anh có cho anh K vay số tiền gốc là 1.495.000.000đ, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận theo lãi suất là 12%/năm, thời gian vay là 12 tháng, mục đích anh K vay tiền của anh là để mua thửa đất số 456 ở tổ dân phố Mỹ Thượng, phường Liêm Chính. Khi vay hai bên có lập giấy tờ viết tay với nhau, có người làm chứng. Số tiền anh cho anh K vay là tiền riêng của anh, anh cho anh K vay riêng chứ không liên quan gì đến chị H. Khi đến hạn thanh toán thì anh K không có tiền trả nên ngày 25/4/2021 anh K đã thế chấp cho anh bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 456 để làm tin. Từ khi vay đến nay anh K trả lãi cho anh đầy đủ đến hết tháng 8/2021. Nay anh chỉ yêu cầu anh K phải trả số tiền gốc là 1.495.000.000đ, còn tiền lãi anh không yêu cầu anh K phải trả; khi nào anh K trả anh hết số tiền trên thì anh sẽ trả lại anh K bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh đang giữ. Tại phiên tòa hôm nay, anh K xác định vay tiền của anh để mua thửa đất số 456 là tài sản chung của vợ chồng anh K, nên anh yêu cầu cả chị H và anh K đều phải có trách nhiệm trả anh số tiền gốc là 1.495.000.000đ.

*\* Quan điểm của anh K:* Anh nhất trí quan điểm của anh T. Số tiền anh vay của anh T là để mua thửa đất số 456. Thửa đất này mua trong thời kỳ hôn nhân nên anh xác định là tài sản chung của vợ chồng anh và cả hai vợ chồng đều có trách nhiệm trả anh T số tiền trên.

*\* Quan điểm của chị H:* Đây là khoản nợ riêng của anh K thì anh K tự chịu trách nhiệm trả, chị không biết và không liên quan đến khoản nợ này.

*\* Người làm chứng là anh Ngô Thượng T trình bày:* Ngày 18/01/2020 anh có chứng kiến việc anh K vay của anh T số tiền 1.495.000.000đ, anh có biết mục đích anh K vay tiền để mua thửa đất 456 tờ bản đồ số 19. Đến ngày 25/4/2021, anh có chứng kiến việc anh K thế chấp cho anh T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 456 tờ bản đồ số 19.

## 6. Tại phiên tòa.

\* Chị Vũ Thị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

\* Anh Nguyễn Đắc K xác định thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3 là tài sản chung của vợ chồng nhưng anh đề nghị được nhận 2/3 tổng giá trị tài sản chung vì anh có công sức đóng góp vào khối tài sản chung lớn hơn. Đồng thời anh đề nghị Tòa án công nhận khoản nợ của chị O, chị Q và anh T là nợ chung của hai vợ chồng và đề nghị cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả. Cụ thể:

- Nợ chị Nguyễn Thị Q số tiền mặt 250.000.000đ quy ra 07 cây vàng SJC tại thời điểm vay.

- Nợ anh Bùi Mạnh T 1.495.000.000đ.

- Nợ chị Nguyễn Thị O 300.000.000đ tiền mặt và 10 cây vàng (trong đó 03 cây vàng 9999 và 07 cây vàng SJC).

\* Chị Nguyễn Thị Q có quan điểm: Chị yêu cầu hai vợ chồng anh K, chị H cùng có trách nhiệm trả chị 07 cây vàng SJC theo giá tại thời điểm xét xử theo quy định pháp luật, tiền lãi chị không yêu cầu.

\* Chị Nguyễn Thị O có quan điểm: Chị yêu cầu hai vợ chồng anh K, chị H cùng có trách nhiệm trả chị 300.000.000đ tiền mặt và 10 cây vàng (trong đó 03 cây vàng 9999 và 07 cây vàng SJC) theo giá tại thời điểm xét xử theo quy định pháp luật, tiền lãi chị không yêu cầu.

\* Ông Nguyễn Duy C có quan điểm: Ông đề nghị Tòa án xác định thửa đất số 148 và tài sản trên đất là tài sản riêng của anh K, không đưa vào tài sản chung để chia trong vụ án này.

\* Bà Nguyễn Thị Kim K có quan điểm: Bà xác định số tiền 200.000.000đ bà cho riêng anh K để anh K xây nhà nên đề nghị Tòa án xác định căn nhà 3 tầng là tài sản riêng của anh K.

\* Anh Bùi Mạnh T yêu cầu cả hai vợ chồng chị H, anh K cùng có trách nhiệm trả anh số tiền đã vay.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu An cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc; giao cháu Lộc cho anh K nuôi dưỡng chăm sóc, anh K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.000.000đ/tháng.

- Về tài sản: Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> và căn nhà trên đất; thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> và thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> đều là tài sản chung của vợ chồng chị H, anh K vì những tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Đề nghị Tòa án chia đôi, giao chị H quản lý, sử dụng thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> và thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup>; thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> và tài sản trên đất giao cho anh K quản lý sử dụng; bên nào sử dụng nhiều hơn thì thanh toán chênh lệch tài sản cho bên kia.



- Về công nợ: Những khoản nợ của chị Q, chị O, anh T mà anh K cho rằng là công nợ chung của vợ chồng là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án không chấp nhận là công nợ chung mà là khoản nợ riêng của anh K nên anh K tự chịu trách nhiệm trả.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 33, 47, 51, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đắc K.

- Về con chung: Giao chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Duy A; giao anh K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Duy L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung:

+ Các thửa đất 148, 456, 383 và tài sản trên đất thuộc sở hữu chung hợp pháp của vợ chồng chị H anh K.

+ Giao anh K quản lý sử dụng thửa đất số 383, 148 cùng tài sản trên đất. Giao chị H quản lý sử dụng thửa đất số 456. Anh K có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho chị H là 654.608.000đ.

- Về công nợ chung: Khoản nợ anh T 1.495.000.000đ là khoản nợ chung của vợ chồng. Giao anh K có trách nhiệm trả anh T. Chị H phải trả anh K 745.500.000đ.

Đổi trừ với tiền chênh lệch giá trị thửa đất mà anh K phải thanh toán cho chị H thì chị H phải trả cho anh K 90.892.000đ.

- Về công nợ riêng: Không xem xét.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Đắc K có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Số nhà 37, ngõ 36, phố Nguyễn Quốc Hiệu, tổ 8, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “kiện ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn” giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đắc K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đắc K là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2006 tại UBND thị trấn BM, huyện BL, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng chị H và anh K đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không còn hợp nhau, vợ chồng hay cãi chửi nhau, nhiều lần mâu thuẫn căng thẳng có xô sát đánh nhau. Từ tháng 4/2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Thực tế cho thấy chị H xin ly hôn thì anh K cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của chị H và anh K.

[3] Về con chung: Chị H và anh K cùng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy L (con trai), sinh ngày 16/7/2006 và cháu Nguyễn Duy A (con trai), sinh ngày 31/8/2010. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị H, anh K cũng như nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng xin nuôi con chung của anh K và chị H đều là chính đáng, hiện chị H và anh K đều có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con, thực tế cháu L đang ở với anh K, cháu A đang ở với chị H. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt cho các con phát triển cũng như sự ổn định cuộc sống cho các cháu thì cần giao cho mỗi người nuôi một con chung. Do đó cần giao cho chị H được trực tiếp nuôi cháu A, giao anh K nuôi cháu L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị H không có thai nghén gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản:

- Đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> tại khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thành phố Phủ Lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2010 mang tên ông Nguyễn Đắc K, có giá trị: 1.280.000.000đ; trên thửa đất có 01 căn nhà mái bằng ba tầng bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ, cửa gỗ, nền lát gạch hoa

liên doanh, công trình phụ khép kín, có giá trị: 679.216.000đ. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 1.959.216.000đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh K cũng như bố anh K (ông C) và cô anh K (bà K) đều cho rằng nguồn tiền mua thửa đất này là do ông C cho riêng anh K, tiền xây nhà trên đất là do ông C và bà K cho riêng anh K để xây; anh K cung cấp tài liệu chứng cứ về việc cho tiền này. Tuy nhiên thửa đất và căn nhà này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung của anh K và chị H. Do vậy, anh K và chị H mỗi người được hưởng 1/2 giá trị là: 979.608.000đ. Quan điểm của anh K xác định là tài sản riêng là không có căn cứ.

- Đối với thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mễ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/2020 mang tên ông Nguyễn Đắc K, có giá trị: 1.890.000.000đ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Nguồn tiền mua thửa đất này chủ yếu do anh K vay của anh T và chị O mà có. Tuy nhiên do thửa đất này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên cần phải xác định là tài sản chung của chị H và anh K như quan điểm của anh K là có căn cứ. Do đó chị H và anh K mỗi người được hưởng 1/2 giá trị là: 945.000.000đ.

- Đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2017 mang tên ông Nguyễn Đắc K và bà Vũ Thị H, có giá trị: 1.240.000.000đ.

Chị H và anh K đều công nhận thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng nên chị H và anh K mỗi người được hưởng 1/2 giá trị là: 620.000.000đ.

Như vậy chị H và anh K mỗi người được hưởng trị giá tài sản là 2.544.608.000đ. Quan điểm của anh K xác định có công sức nhiều hơn nên được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về công nợ:

- Đánh giá về khả năng tài chính chung của chị H và anh K:

Chị H cho rằng tại thời điểm giải quyết ly hôn, vợ chồng không nợ ai, vợ chồng chị ngoài thu nhập từ lương hiện tại chị đang được hưởng là 9.000.000đ/tháng thì hàng tháng chị còn làm thêm môi giới bất động sản thu nhập từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng. Tòa án yêu cầu chị H xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh, chị H đã xuất trình giấy tờ xác nhận tiền công, lương của Xí nghiệp may Bình Lục, huyện Bình Lục; Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định chất lượng công trình Nam Định; Công ty cổ phần Hoa Việt Mỹ, thành phố Nam Định; Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hưng Vượng, thành phố Nam Định; Công ty cổ phần Việt Hưng, thành phố Nam Định; Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Quang Minh, thành phố Nam Định. Quá trình xác minh tại Sở Công thương tỉnh Hà Nam cho thấy: Trước ngày 05/4/2013 chị H công tác tại trường tiểu học Mỹ Thọ, xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục sau đó chuyển về làm hợp đồng giờ hành chính 08 giờ/ngày (tức 22 ngày/tháng) tại Trung tâm tư vấn phát triển Công nghiệp và tiết kiệm năng lượng thuộc Sở Công thương tỉnh Hà Nam. Đến tháng 11/2016 chị H

được xét tuyển vào ngạch viên chức của Trung tâm và hưởng lương theo hệ số 2,67, làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày. Hiện nay chị H đang hưởng lương theo hệ số 3,66 và thêm phụ cấp 0,4. Xí nghiệp May Bình Lục xác định chị H có làm gia công nhật chỉ, khâu hàng cho xí nghiệp nhưng công việc không đều, xí nghiệp trả lương theo sản phẩm. Các Công ty còn lại xác nhận trả tiền công cho chị H đều chưa khi nào hoạt động trên địa bàn.

Anh K cho rằng cả chị H và anh K đều có thu nhập thấp, hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước theo hệ số chỉ đủ sinh hoạt, nên không thể có tiền để mua thêm hai thửa đất. Nguồn tiền mua thửa đất số 456 và thửa đất số 383 là do vay mượn mà có để mua. Mức thu nhập của anh K tại thời điểm này là 6.035.000đ/tháng là phù hợp với thực tế.

Như vậy nguồn thu nhập của chị H và anh K chủ yếu hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước chỉ đủ chi tiêu sinh hoạt hàng ngày như anh K trình bày là có căn cứ.

- Đánh giá về công nợ:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà anh T, chị Q, chị O xuất trình cũng như thời điểm vay tiền và mục đích vay tiền hoàn toàn phù hợp với thời điểm mua thửa đất số 456 và thửa đất số 383. Mặt khác, như đã phân tích ở trên thì thửa đất số 456 và thửa đất số 383 đã được Hội đồng xét xử xác định là tài sản chung của chị H, anh K nên cần xác định những khoản nợ của anh T, chị Q và chị O là những khoản nợ chung của vợ chồng chị H, anh K. Quan điểm của chị H không thừa nhận các khoản nợ trên là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy cả hai vợ chồng cùng phải có trách nhiệm trả những khoản nợ này. Cụ thể:

+ Nợ chị Nguyễn Thị Q 250.000.000đ quy ra 07 cây vàng SJC tại thời điểm vay và tương đương giá vàng SJC hiện nay là: 07 cây vàng SJC x 64.500.000đ/cây = 451.500.000đ, vay không có lãi.

+ Nợ anh Bùi Mạnh T 1.495.000.000đ, không có lãi suất.

+ Nợ chị Nguyễn Thị O 300.000.000đ tiền mặt và 10 cây vàng (trong đó có 03 cây vàng 9999 và 07 cây vàng SJC), vàng 9999 tại thời điểm hiện nay có giá 52.500.000đ/cây, vàng SJC tại thời điểm hiện nay có giá 64.500.000đ/cây. Tổng là: 909.000.000đ.

Tổng số nợ chung của vợ chồng là: 2.855.500.000đ. Khi ly hôn chị H và anh K mỗi người phải chịu trách nhiệm trả 1/2 số nợ trên là: 1.427.750.000đ.

Tuy nhiên toàn bộ số nợ trên đều do anh K trực tiếp vay, nên cần giao cho anh K có trách nhiệm trả nợ chị Q, anh T, chị O toàn bộ số tiền trên; phần nghĩa vụ trả nợ của chị H được anh K trả nợ thay sẽ được đối trừ với phần nghĩa vụ anh K phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mễ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, anh Bùi Mạnh T có trách nhiệm trả lại anh Nguyễn Đắc K khi anh K thanh toán xong số tiền nợ đối với anh T.

[6] Về việc phân chia tài sản chung.

a. Xét yêu cầu chia tài sản chung bằng hiện vật là nhà và đất của chị H và anh K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Như đã phân tích ở trên, anh K có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng là 2.855.500.000đ. Do vậy, cần giao cho anh K quản lý, sở hữu và sử dụng tài sản bằng hiện vật nhiều hơn để anh K thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ chung của vợ chồng.

b. Việc phân chia tài sản chung cụ thể như sau:

\* Giao chị Vũ Thị H được toàn quyền sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2017 mang tên ông Nguyễn Đắc K và bà Vũ Thị H, có giá trị: 1.240.000.000đ.

\* Giao anh Nguyễn Đắc K được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> tại khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, phường Liêm Chính thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thành phố Phủ Lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2010 mang tên ông Nguyễn Đắc K, có giá trị: 1.280.000.000đ;

+ Quyền sở hữu tài sản trên thửa đất này gồm: 01 căn nhà mái bằng ba tầng bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ, cửa gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, công trình phụ khép kín, có giá trị: 679.216.000đ.

- Quyền sử dụng thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mễ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/2020 mang tên ông Nguyễn Đắc K, có giá trị: 1.890.000.000đ.

\* Tổng giá trị tài sản chung anh K được quyền quản lý sử dụng là 3.849.216.000đ. Đối trừ chênh lệch giá trị tài sản mà hai bên được hưởng, anh K có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị H là: 1.304.608.000đ. Tuy nhiên số tiền này sẽ được đối trừ trong phần giải quyết công nợ.

c. Về tài sản chung là đồ dùng, gia dụng trong gia đình: Chị H và anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 9.000.000đ. Toàn bộ chi phí này do chị Vũ Thị H đã nộp. Căn cứ khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị H và anh K mỗi người phải chịu 4.500.000đ. Vì số tiền trên do chị H đã nộp tạm ứng toàn bộ nên anh K phải trả lại cho chị H là: 4.500.000đ

[8] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đắc K, mỗi người phải nộp 75.000đ.

- Án phí chia tài sản: Chị H và anh K mỗi người phải nộp: 82.892.160đ (làm tròn là 82.892.000đ).

- Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ: Chị H và anh K mỗi người phải nộp 54.832.500đ (làm tròn là 54.832.000đ).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 28; 29; 33; 51; 54; 55; 58; 59; 62; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ các Điều 207, 210, 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đắc K.

2. Về con chung: Giao chị Vũ Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Duy A (con trai), sinh ngày 31/8/2010 cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao anh Nguyễn Đắc K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Duy L (con trai), sinh ngày 16/7/2006 cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

a. Giao chị Vũ Thị H được toàn quyền sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 383, tờ bản đồ số PL3, diện tích 62m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2017 mang tên ông Nguyễn Đắc K và bà Vũ Thị H, có giá trị: 1.240.000.000đ (một tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng).

b. Giao anh Nguyễn Đắc K được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 64m<sup>2</sup> tại khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thành phố Phủ Lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2010 mang tên ông Nguyễn Đắc K, có giá trị: 1.280.000.000đ;

+ Quyền sở hữu tài sản trên thửa đất này gồm: 01 căn nhà mái bằng ba tầng bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ, cửa gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, công trình phụ khép kín, có giá trị: 679.216.000đ.

- Quyền sử dụng thửa đất số 456, tờ bản đồ số 19, diện tích 63m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Mễ Thượng, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/2020 mang tên ông Nguyễn Đắc K, có giá trị: 1.890.000.000đ

c. Buộc anh Bùi Mạnh T có trách nhiệm trả lại anh Nguyễn Đắc K: 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 043074, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/2020 mang tên ông Nguyễn Đắc K.

4. Về công nợ chung: Giao anh Nguyễn Đắc K có nghĩa vụ trả nợ những người sau:

- Trả chị Nguyễn Thị Q số tiền là: 451.500.000đ (bốn trăm năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Trả anh Bùi Mạnh T số tiền là: 1.495.000.000đ (một tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng).

- Trả chị Nguyễn Thị O số tiền là: 909.000.000đ (chín trăm linh chín triệu đồng).

5. Đối trừ phần nghĩa vụ trả nợ của chị H được anh K trả nợ thay với phần nghĩa vụ anh K phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H thì chị H phải thanh toán trả lại anh K số tiền 123.142.000đ (một trăm hai mươi ba triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 9.000.000đ (Toàn bộ chi phí này do chị Vũ Thị H đã nộp). Chị H và anh K mỗi người phải chịu 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Nay anh K phải trả lại cho chị H là: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

7. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đắc K, mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí chia tài sản: Chị H và anh K, mỗi người phải nộp: 82.892.000đ (tám mươi hai triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Án phí công nợ chung: Chị H và anh K, mỗi người phải nộp 54.832.000đ (năm mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Chị H được đối trừ với số tiền 20.800.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0006072 ngày 24/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị H phải nộp tiếp là 116.999.000đ

- Trả lại anh Bùi Mạnh T số tiền 28.425.000đ (hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000295 ngày 07/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

8. Về quyền kháng cáo bản án: Chị H, anh K, anh T, chị O, chị Q, bà K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông C vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuyên**